

Số: 48/2022/QĐST-DS

Tân An, ngày 11 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 69/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số 360 CTK, Phường G, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Lệnh Cống P, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 368/15 Hẻm 368 CTK, Phường G, thành phố T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Kim Thúy K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 215 HVD, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1955

Địa chỉ: 25/B4 Ấp IV, xã BQ, huyện C, tỉnh Long An.

3. Bà Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số 368/15 Hẻm 368 CTK, Phường G, thành phố T, tỉnh Long An.

4. Bà Đào TT, sinh năm 1939

Địa chỉ: Số 39 CVB, Phường G, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đối với phần đất thuộc thửa số 835, tờ bản đồ số 25, diện tích đo thực tế là 65,5m² (diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 64,6m²), loại đất BHK đất tọa lạc tại Phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An do ông C đang quản lý, sử dụng (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 522905 do UBND thành phố Tân An cấp cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 10/5/2012) phần đất này tiếp giáp với 1 phần của thửa số 1482, tờ bản đồ số 25, diện tích đo thực tế là 192,3m² loại đất ONT (diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 194,7m²) đất tọa lạc tại Phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An do ông Phu sử dụng (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 458717 do UBND thành phố Tân An cấp cho ông Lệnh Cống P vào ngày 30/10/2019). Phần đất tranh chấp giữa hai thửa 835 và 1482 có diện tích là ngang 0,3m, dài 9,1m và cạnh còn lại là 14,1m, diện tích là 3m², ông C và ông P thống nhất cắt đôi phần ranh đất tranh chấp này, mỗi bên quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích ranh 3m². Cụ thể: Ông C sử dụng phần diện tích 1,2m² thuộc khu G, ông Phu sử dụng phần diện tích 1,8m² thuộc khu F theo Mảnh trích đo địa chính, hàng lưới B40 thuộc bên phần đất của ông C. Hiện tại ông P đang sử dụng hàng rào này, ông C đồng ý giao cho ông P tiếp tục sử dụng hàng rào này, khi nào ông P xây, sửa nhà hoặc chuyển nhượng phần đất thuộc thửa số 1482 thì ông P có nghĩa vụ trả lại cho ông C phần hàng rào này.

Đối với phần đất thuộc thửa số thửa số 834, tờ bản đồ số 25, diện tích đo thực tế là 142,4m² (diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 145,6m²), loại đất ONT, đất tọa lạc tại Phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An do ông C quản lý, sử dụng (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 522904 do UBND thành phố Tân An cấp cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 10/5/2012) phần đất này tiếp giáp với 1 phần của thửa số 1482, của ông P. Phần đất tranh chấp giữa hai thửa 834 và 1482 có diện tích là 2,2m², ông C và ông P thống nhất ông P có nghĩa vụ hoàn lại cho ông C phần diện tích 2,2m² này (thuộc khu D và khu E theo Mảnh trích đo địa chính). Hiện tại ông P đang quản lý, sử dụng phần diện tích ranh 2,2m², ông C đồng ý cho ông P tiếp tục sử dụng, khi nào ông P xây, sửa nhà hoặc chuyển nhượng phần đất thuộc thửa số 1482 thì ông P có nghĩa vụ trả lại cho ông C phần diện tích 2,2m² thuộc một phần thửa 834 này cho ông C.

Theo Mảnh trích đo địa chính số 1773-2022 do Công ty đo đạc nhà đất TN đo vẽ ngày 04/7/2022 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân An duyệt ngày 07/7/2022 và Mảnh trích đo địa chính phân khu do Công ty đo đạc nhà đất TN đo vẽ ngày 03/8/2022.

Về chi phí tổ tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ và đo vẽ là 20.000.000đồng. Các bên thống nhất mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$, số tiền này ông C đã nộp đủ nên ông P có nghĩa vụ hoàn lại cho ông C số tiền là 10.000.000đồng.

Về án phí: Là 300.000đồng, các bên chịu $\frac{1}{2}$ phần án phí do hòa giải thành. Ông Nguyễn Văn C đã nộp đủ. Ông Lệnh Cống P có nghĩa vụ nộp 150.000đồng.

Hoàn trả lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí còn lại là 350.000đồng theo biên lai thu số 0001474 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND TP.Tân An
- THADS TP.Tân An
- Các đương sự
- AV, Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Đã ký

Phạm Thị Thu Hương